

Số:14/2014/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2014

**NGHỊ QUYẾT**

**Về giá các loại đất áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019  
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 11  
(Từ ngày 02/12/2014 đến ngày 05/12/2014)**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất và tư vấn xác định giá đất;

Xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 14/11/2014 của UBND Thành phố về việc ban hành giá các loại đất áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 trên địa bàn thành phố Hà Nội; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách, báo cáo giải trình của UBND và ý kiến thảo luận của Đại biểu HĐND Thành phố,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua bảng giá các loại đất áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 trên địa bàn thành phố Hà Nội do UBND Thành phố trình, cụ thể như sau:

**1. Giá đất nông nghiệp**

a. Giá đất nông nghiệp gồm các loại đất trồng lúa, trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản có giá tối đa là 162.000 đồng/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 36.000 đồng/m<sup>2</sup>;

b. Giá đất trồng cây lâu năm có giá tối đa là 189.600 đồng /m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 54.400 đồng/m<sup>2</sup>;

c. Giá đất rừng có giá tối đa là 60.000 đồng/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 30.000 đồng/m<sup>2</sup>;

d. Giá đất nông nghiệp tại các phường thuộc các quận có giá tối đa là 252.000 đồng/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 162.000 đồng/m<sup>2</sup>;

đ. Giá đất nông nghiệp tại khu vực giáp ranh có giá tối đa 162.000 đồng/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 135.000 đồng/m<sup>2</sup>.

## **2. Giá đất ở:**

### **2.1. Giá đất ở tại đô thị:**

a. Giá đất ở đô thị tại các quận có giá cao nhất là 162.000.000 đồng/m<sup>2</sup>, giá thấp nhất là 3.960.000 đồng/m<sup>2</sup>.

b. Giá đất ở đô thị tại các phường của thị xã Sơn Tây có giá tối đa là 16.700.000 đồng/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 1.260.000 đồng/m<sup>2</sup>.

c. Giá đất ở tại thị trấn thuộc các huyện có giá tối đa là 22.000.000 đồng/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 1.300.000 đồng/m<sup>2</sup>.

### **2.2. Giá đất ở tại nông thôn:**

a. Giá đất ở tối đa tại các xã giáp ranh là 29.000.000 đồng/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 2.052.000 đồng/m<sup>2</sup>.

b. Giá đất ở ven trục đường giao thông chính tại các xã còn lại có giá tối đa là 13.200.000 đồng/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 603.000 đồng/m<sup>2</sup>.

c. Giá đất ở khu dân cư nông thôn còn lại có giá tối đa là 2.652.000 đồng/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 480.000 đồng/m<sup>2</sup>.

## **3. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không sử dụng cho mục đích thương mại, dịch vụ:**

a. Giá đất SXKD không sử dụng cho mục đích thương mại, dịch vụ tại các quận có giá tối đa là 47.810.000đ/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 1.781.000đ/m<sup>2</sup>

b. Giá đất SXKD không sử dụng cho mục đích thương mại, dịch vụ tại thị xã Sơn Tây có giá tối đa là 10.855.000đ/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 676.000đ/m<sup>2</sup>

c. Giá đất SXKD không sử dụng cho mục đích thương mại, dịch vụ tại thị trấn các huyện có giá tối đa là 11.520.000đ/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 655.000đ/m<sup>2</sup>

d. Giá đất SXKD không sử dụng cho mục đích thương mại, dịch vụ tại các xã giáp ranh quận có giá tối đa là 12.600.000đ/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 818.000đ/m<sup>2</sup>

đ. Giá đất SXKD không sử dụng cho mục đích thương mại, dịch vụ ven đường giao thông chính có giá tối đa là 5.280.000đ/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 315.000đ/m<sup>2</sup>.

e. Giá đất SXKD không sử dụng cho mục đích thương mại, dịch vụ tại nông thôn có giá tối đa là 1.591.000đ/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 315.000đ/m<sup>2</sup>.

## **4. Giá đất sản xuất kinh doanh sử dụng cho mục đích thương mại, dịch vụ:**

a. Giá đất sản xuất kinh doanh sử dụng cho mục đích thương mại, dịch vụ tại các quận có giá tối đa là 57.372.000đ/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 2.137.000đ/m<sup>2</sup>.

b. Giá đất sản xuất kinh doanh sử dụng cho mục đích thương mại, dịch vụ tại thị xã Sơn Tây có giá tối đa là 13.026.000đ/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 811.000đ/m<sup>2</sup>.

c. Giá đất sản xuất kinh doanh sử dụng cho mục đích thương mại, dịch vụ tại thị trấn các huyện có giá tối đa là 13.824.000đ/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 786.000đ/m<sup>2</sup>.

d. Giá đất sản xuất kinh doanh sử dụng cho mục đích thương mại, dịch vụ tại khu vực nông thôn:

- Giá đất sản xuất kinh doanh sử dụng cho mục đích thương mại, dịch vụ tại các xã giáp ranh quận có giá tối đa là 15.120.000đ/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 982.000đ/m<sup>2</sup>

- Giá đất sản xuất kinh doanh sử dụng cho mục đích thương mại, dịch vụ ven trục giao thông chính có giá tối đa là 6.336.000đ/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 378.000đ/m<sup>2</sup>

- Giá đất sản xuất kinh doanh sử dụng cho mục đích thương mại, dịch vụ tại khu vực nông thôn còn lại có giá tối đa là 1.909.000đ/m<sup>2</sup>, giá tối thiểu là 378.000đ/m<sup>2</sup>.

*(chi tiết tại 09 bảng giá đất kèm theo)*

## **Điều 2. Điều khoản thi hành.**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết. Kịp thời báo cáo với Thường trực HĐND Thành phố thống nhất đối với những trường hợp bổ sung giá đất của các đường phố mới đặt tên hoặc điều chỉnh bảng giá đất theo quy định, tổng hợp báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

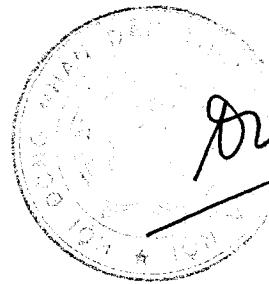
3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban HĐND, các tổ đại biểu và đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XIV, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 03/12/2014.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và môi trường, Tài chính, Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- TT Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Các vị đại biểu HĐND TP;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND TP, VP UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo thành phố Hà Nội;
- Các cơ quan thông tấn báo chí;
- Lưu VT. *H*

**CHỦ TỊCH**



**Ngô Thị Doãn Thanh**